Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 27-05-2026 16:57:12 +07:00

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN
Số: 4266
Ngày: 27/5/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

V/v: tự công bố sản phẩm.

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Kính gửi : **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Thịt bò đóng hộp MRT	61/Moonmilk/2026	01/05/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 61/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK
Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258 3553 888 Email: import2.moonmilk@gmail.com
Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm: Thịt bò đóng hộp MRT
2.Thành phần: Đồ hộp thịt dạng miếng. Thành phần: thịt bò, muối ăn, tiêu đen hạt, lá nguyệt quế.
3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 3 năm kể từ ngày sản xuất
4.Quy cách đóng gói: 350g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa dựng.
5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế.
6.Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH "Bryansk Meat Company". Địa chỉ pháp lý: Nga, 242221, tỉnh Bryansk, huyện Trubchevsk, khu định cư Progress, đường Belgorodskaya, nhà số 2
Địa chỉ sản xuất: Nga, 243351, tỉnh Bryansk, huyện Vygonichsky, khu định cư nông thôn Khmelevskoye, đường cao tốc A-240 Bryansk–Novozybkov, km 39, tòa nhà 9.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3: 2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT –Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

Nhãn phụ

- **Thịt bò đóng hộp MRT**
  Thành phần: Đồ hộp thịt dạng miếng. Thành phần: thịt bò, muối ăn, tiêu đen hạt, lá nguyệt quế.
- Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 20°C và độ ẩm tương đối của không khí không quá 75%. Khuyến nghị hâm nóng trước khi sử dụng..
  Thông tin cảnh báo: tại cơ sở sản xuất có sử dụng thịt gà broiler, thịt bò, thịt cừu, cần tây, mù tạt, sữa, sản phẩm từ trứng, ngũ cốc và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc; vì vậy sản phẩm có thể chứa dấu vết của các thành phần này..
- Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH "Bryansk Meat Company". Địa chỉ pháp lý: Nga, 242221, tỉnh Bryansk, huyện Trubchevsk, khu định cư Progress, đường Belgorodskaya, nhà số 2.
  Địa chỉ sản xuất: Nga, 243351, tỉnh Bryansk, huyện Vygonichsky, khu định cư nông thôn Khmelevskoye, đường cao tốc A-240 Bryansk--Novozybkov, km 39, tòa nhà 9.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
  CÔNG TY TNHH MOONMILK
  Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
  SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 61/Moonmilk/2026

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	
Năng lượng (Energy)	265 Kcal
Đạm (Protein)	14.1g
Carbohydrat (Carbohydrate)	7.35g
Béo tổng (Total fat)	19.9g
Natri (Sodium)	349mg
Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn	

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Thịt bò đóng hộp MRT

Chỉ sử dụng thịt từ các trang trại riêng của chúng tôi

Thịt bò hầm hạng cao cấp

Theo tiêu chuẩn GOST 32125-2013

МИРАТОРГ

MIRATORG

RUS КОНСЕРВЫ МЯСНЫЕ КУСКОВЫЕ СТЕРИЛИЗОВАННЫЕ
«ГОВЯДИНА ТУШЁНАЯ ВЫСШИЙ СОРТ»

Состав: говядина, соль поваренная пищевая, перец черный горошек, лавровый лист.

На предприятии используются: горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки.

Хранить при температуре от 0°С до 20°С и относительной влажности воздуха не более 75 %. Срок годности: **3 ГОДА** с даты изготовления. Дата изготовления указана на дне банки. Рекомендуемый срок годности продукта после вскрытия упаковки при температуре хранения от 2°С до 6°С и относительной влажности воздуха не выше 75% – **НЕ БОЛЕЕ 24 ЧАСОВ** в пределах общего срока годности упакованной продукции.

Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белок – 15,0 г, жир – 17,0 г; энергетическая ценность (калорийность) – 890 кДж/213 ккал.
МАССОВАЯ ДОЛЯ МЯСА И ЖИРА – НЕ МЕНЕЕ 58%.

ПЕРЕД УПОТРЕБЛЕНИЕМ РЕКОМЕНДУЕТСЯ РАЗОГРЕТЬ.

Произведено в России. Номер завода: RU-046/AD38848.
Изготовитель: ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул.Западная, владение 6.
Адрес производства: 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2.

Телефон «Горячей линии»: 8-800-100-80-87
(по России звонок бесплатный).
www.miratorg.ru

ГОСТ 32125-2013

МАССА НЕТТО:
338 г

4 640106 726440

RÚ. ĐỒ HỘP THỊT DẠNG MIẾNG TIỆT TRÙNG
"THỊT BÒ HẦM HẠNG CAO CẤP"

Thành phần: thịt bò, muối ăn, hạt tiêu đen nguyên hạt, lá nguyệt quế.
Tại cơ sở sản xuất có sử dụng: mù tạt, ngũ cốc, mè, sản phẩm từ sữa, các loại hạt, cần tây, sulfit, trứng và các sản phẩm chế biến từ chúng, vì vậy sản phẩm có thể chứa hàm lượng của các thành phần này.
Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 20°C và độ ẩm tương đối của không khí không quá 75%. Hạn sử dụng: 3 NĂM kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất được ghi ở đáy lon.
Sau khi mở hộp, bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 6°C và độ ẩm tương đối không quá 75%, không quá 24 GIỜ trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm.
Giá trị dinh dưỡng trong 100 g sản phẩm (giá trị trung bình): Protein: 15,0 g; Chất béo: 17,0 g; 890 kJ / 213 kcal.
HÀM LƯỢNG THỊT VÀ MỠ: KHÔNG ÍT HƠN 58%
Khuyến nghị hâm nóng trước khi sử dụng.
Sản xuất tại Nga. Mã số nhà máy: RU-046/AD38848
Nhà sản xuất: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezhsky, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số 6.
Địa chỉ sản xuất: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, hội đồng nông thôn Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.
Đường dây nóng: 8-800-100-80-87 (gọi miễn phí trong lãnh thổ Nga)
www.miratorg.ru
Tiêu chuẩn: GOST 32125-2013
Khối lượng tịnh: 338 g
(Mã vạch) 4 640106 726440

CÔNG TY TNHH MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)
NGUYỄN HỮU LONG

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt.**

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Ngô Đình Hoàn

Ngày 19 tháng 03 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười chín, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, CÔNG CHỨNG VIÊN Trần Thị Huyền là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 31390 **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ

P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Huyền

21 Canned beef

RUS КОНСЕРВЫ МЯСНЫЕ КУСКОВЫЕ СТЕРИЛИЗОВАННЫЕ
«ГОВЯДИНА ТУШЁНАЯ ВЫСШИЙ СОРТ»

Состав: говядина, соль поваренная пищевая, перец черный горошек, лавровый лист.

На предприятии используются: горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки.

Хранить при температуре от 0°С до 20°С и относительной влажности воздуха не более 75 %. Срок годности: **3 ГОДА** с даты изготовления. Дата изготовления указана на дне банки. Рекомендуемый срок годности продукта после вскрытия упаковки при температуре хранения от 2°С до 6°С и относительной влажности воздуха не выше 75% – **НЕ БОЛЕЕ 24 ЧАСОВ** в пределах общего срока годности упакованной продукции.

Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белок – 15,0 г, жир – 17,0 г; энергетическая ценность (калорийность) – 390 кДж/213 ккал.
МАССОВАЯ ДОЛЯ МЯСА И ЖИРА – НЕ МЕНЕЕ 58%.

ПЕРЕД УПОТРЕБЛЕНИЕМ РЕКОМЕНДУЕТСЯ РАЗОГРЕТЬ.

Произведено в России. Номер завода: RU-046/AD38848.
Изготовитель: ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул.Западная, владение 6.
Адрес производства: 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2.

Телефон «Горячей линии»: 8-800-100-80-87
(по России звонок бесплатный).
www.miratorg.ru

ГОСТ 32125-2013

МАССА НЕТТО: 338 г

4 640106 726440

ИСКЛЮЧИТЕЛЬНО ИЗ МЯСА С СОБСТВЕННЫХ ФЕРМ

ВЫСШИЙ СОРТ ТУШЁНАЯ

ГОВЯДИНА

ГОСТ 32125-2013

8,3 мм

40
FE

8,3 мм

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MOONMILK
M.S.D.N: 4201570744-C.T.T.N.H.H
TP.NHA TRANG - T.KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (1/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**THỊT BÒ ĐÓNG HỘP MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (1/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cảm quan / Sensory	Sản phẩm dạng rắn, mềm, hũ kín, có gia vị, không hư hỏng, không có tạp chất lạ. Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ.	-	AVA-KN-PP.HL/56

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (2/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**THỊT BÒ ĐÓNG HỘP MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (2/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	265	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	14.1	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	7.35	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	19.9	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
5	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	349	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (3/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**THỊT BÒ ĐÓNG HỘP MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (3/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.167)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (4/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**THỊT BÒ ĐÓNG HỘP MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (4/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
2	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
3	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (5/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**THỊT BÒ ĐÓNG HỘP MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-13 (5/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022
2	Salmonella (*) / Salmonella (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH